

Số: *198/VNS/QĐ-HĐQT*

Hải phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý nợ  
Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015;
- Các văn bản pháp lý liên quan;
- Căn cứ Điều lệ về tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (Vinaship);
- Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 22/07/2022 của Hội đồng quản trị Vinaship;

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Nay ban hành kèm theo quyết định này “Quy chế quản lý nợ Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship”.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Các thành viên HĐQT, Ban điều hành, các công ty thành viên và bộ máy tham mưu, giúp việc Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship căn cứ Quyết định này thi hành.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3.
- Các phòng ban liên quan.
- Lưu VP-HĐQT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



*Trần Văn Nghi*

**QUY CHẾ QUẢN LÝ NỢ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 138/QĐ-HĐQT, ngày 25 tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship)*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015;
- Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp; và Thông tư 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính;
- Thông tư số 200/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship;
- Căn cứ vào Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship.

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc quản lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả trong Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship, bao gồm: phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư ngoài doanh nghiệp và các khoản nợ phải trả; Quy định quyền, trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản nợ; đối chiếu xác nhận, phân loại nợ, đôn đốc thu hồi và chủ động xử lý nợ tồn đọng.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

- a. Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship: các phòng ban, đội tàu, đơn vị vị phụ thuộc;
- b. Công ty do VINASHIP nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- c. Người đại diện phần vốn của VINASHIP tại doanh nghiệp có vốn góp.

## **Điều 3. Các từ viết tắt và giải thích từ ngữ**

### 1. Các từ viết tắt:

- a) Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship: viết tắt là Công ty;
- b) Các khoản nợ phải thu và nợ phải trả: viết tắt là các khoản nợ.
- c) Hội đồng quản trị: viết tắt là HĐQT

### 2. Giải thích từ ngữ:

- a) Nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ:

- Nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên (tính theo thời hạn trả nợ gốc ban đầu theo hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác, không tính đến thời gian gia hạn trả nợ giữa các bên), Công ty đã gửi đối chiếu xác nhận nợ hoặc đơn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được nợ.

- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định đối tượng nợ có khả năng không trả được nợ đúng hạn: các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

b) Nợ phải thu không có khả năng thu hồi là các khoản nợ phải thu quá thời hạn thanh toán hoặc chưa đến thời hạn thanh toán thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Đối tượng nợ là doanh nghiệp, tổ chức đã hoàn thành việc phá sản theo quy định của pháp luật.

- Đối tượng nợ là doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động hoặc giải thể.

- Đối tượng nợ đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho xóa nợ theo quy định của pháp luật.

- Đối tượng nợ là cá nhân đã chết hoặc đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án.

- Khoản chênh lệch còn lại của các khoản nợ không thu hồi được sau khi đã xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể phải bồi thường vật chất.

- Khoản nợ phải thu đã được trích lập 100% dự phòng theo quy định mà sau 03 năm tính từ thời điểm doanh nghiệp trích lập đủ 100% dự phòng mà vẫn chưa thu hồi được nợ.

c) Nợ không có khả năng thanh toán là các khoản nợ đến hạn và quá hạn mà Vinaship không có khả năng trả cho chủ nợ theo đúng hợp đồng đã cam kết.

#### **Điều 4: Nguyên tắc về quản lý và xử lý nợ**

1. Quy chế quản lý nợ này làm cơ sở để xác định và xử lý các khoản nợ phát sinh; Đảm bảo nguyên tắc quản lý các khoản nợ đầy đủ, minh bạch, tránh thất thoát; Xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản nợ; Đối chiếu xác nhận, phân loại nợ, đôn đốc thu hồi và chủ động xử lý nợ đúng quy định của pháp luật.

2. Đối với các khoản nợ khó đòi hoặc không có khả năng trả nợ; trước hết, Công ty phải thực hiện trích lập dự phòng theo quy định và tự tìm mọi biện pháp xử lý thu hồi nợ, cùng chia sẻ khó khăn giữa chủ nợ, khách nợ để xử lý thông qua các hình thức khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ, mua bán nợ; Trường hợp vượt quá khả năng và thẩm quyền xử lý, Công ty phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp hỗ trợ giải quyết.

3. Đối với các khoản nợ phải thu, phải trả bằng ngoại tệ, thực hiện quy đổi sang đồng Việt Nam tại thời điểm hạch toán và lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Khoản chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư nợ ngoại tệ phải thu, phải trả cuối năm tài chính được xử lý theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Các giải pháp về xử lý nợ phải được thực hiện một cách đồng bộ trên cơ sở tổ chức sắp xếp, nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty, để có nguồn trả nợ.

5. Các khoản công nợ cùng đối tượng, cùng nội dung thời gian thanh toán có thể bù trừ giữa công nợ phải thu và công nợ phải trả trên cơ sở hồ sơ, chứng từ đầy đủ (Biên bản đối chiếu xác nhận nợ phải thu và phải trả, Biên bản bù trừ công nợ...).

6. Các đơn vị phụ thuộc căn cứ Quy chế quản lý nợ áp dụng trong Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship để xây dựng, ban hành và thực hiện Quy chế quản lý nợ tại đơn vị (bao gồm các khoản nợ phải thu, nợ phải trả); quy định trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, đối chiếu, xác nhận, thu hồi và thanh toán nợ.

7. Các công ty do Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship nắm giữ 100% vốn điều lệ có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship phê duyệt, ban hành Quy chế quản lý nợ (bao gồm các khoản nợ phải thu, phải trả); xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân (Hội đồng quản trị, Chủ

tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch công ty), Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, cá nhân có liên quan) trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản nợ; đối chiếu xác nhận, phân loại nợ, đôn đốc thu hồi và chủ động xử lý nợ tồn đọng theo quy định.

8. Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship tại công ty cổ phần, vốn góp chi phối, công ty liên kết có trách nhiệm đề nghị Người quản lý doanh nghiệp tham gia xây dựng và ban hành, thực hiện Quy chế quản lý nợ (bao gồm các khoản nợ phải thu, phải trả) tại doanh nghiệp mình đại diện. Quy chế quản lý nợ phải quy định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản nợ; đối chiếu xác nhận, phân loại nợ, đôn đốc thu hồi và chủ động xử lý nợ tồn đọng theo quy định.

## **Điều 5. Phân loại công nợ**

### **1. Phân loại công nợ**

a. Công nợ phải thu: Là khoản nợ mà các tổ chức, cá nhân khác chưa thanh toán cho Công ty bao gồm: Phải thu của khách hàng về dịch vụ vận tải, cho thuê tàu, giao nhận, bốc xếp, cho thuê văn phòng...; trả trước tiền người bán; thuế GTGT được khấu trừ; phải thu nội bộ; các khoản tạm ứng; các khoản phải thu khác. Công ty phải thường xuyên phân loại nợ gồm các khoản nợ đến hạn, chưa đến hạn, khả năng thu hồi...

- Theo thời hạn thanh toán: nợ chưa đến hạn thanh toán, nợ đến hạn thanh toán, nợ đã quá hạn thanh toán, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi.

- Theo tính chất khoản nợ: các khoản tạm ứng, phải thu khách hàng, trả trước tiền người bán, tiền ứng trước theo hợp đồng, các khoản đặt cọc, ký quỹ, ký cược....

b. Công nợ phải trả: Là các khoản nợ mà Công ty chưa thanh toán cho các tổ chức, cá nhân khác.

Công nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả cán bộ công nhân viên (lương, phụ cấp...), Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước; phải trả nội bộ, các khoản phải trả, phải nộp khác, các khoản nhận ký quỹ, ký cược, vay và nợ thuê tài chính, trái phiếu phát hành...

### **2. Phân loại công nợ theo phạm vi phát sinh**

a. Công nợ trong nội bộ Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship, bao gồm:

- Công nợ giữa các đơn vị trong nội bộ: Phải thu, phải trả nội bộ

- Công nợ giữa Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship và cá nhân trong nội bộ: Tạm ứng, thanh toán với cán bộ công nhân viên...

b. Công nợ đối với bên ngoài, bao gồm:

- Các khoản công nợ phải thu, phải trả về quan hệ mua bán vật tư sản phẩm hàng hóa dịch vụ.

- Quan hệ vay mượn với các tổ chức ngoài Công ty.

Ngoài ra công nợ còn có thể phân loại theo đối tượng cụ thể; theo từng loại hoạt động sản xuất kinh doanh và theo thời gian phát sinh nợ. Bản thân công nợ phải thu có thể phân loại theo nhiều cách khác nhau như: nợ do quan hệ hợp đồng (mua bán, vay mượn) và nợ khác hoặc là nợ phải thu có khả năng thu và không có khả năng thu.

## **Chương II**

### **NỢ PHẢI THU**

#### **Điều 6. Trách nhiệm trong việc quản lý nợ phải thu**

1. Nợ phải thu: là các khoản nợ mà các tổ chức, cá nhân chưa thanh toán cho Công ty bao gồm: phải thu của khách hàng về tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; trả tiền trước cho người bán; thuế GTGT được khấu trừ; phải thu nội bộ; các khoản tạm ứng; các khoản phải thu khác.

2. Phân cấp trách nhiệm trong quản lý nợ phải thu:

a) Hội đồng quản trị công ty:

- Ban hành, sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý nợ đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Giám sát, đánh giá, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện Quy chế quản lý nợ và công tác xử lý, thu hồi các khoản nợ theo đúng thẩm quyền đã được quy định tại Quy chế tài chính hiện hành;

- Xử lý nợ những khoản nợ theo đúng thẩm quyền được quy định tại Quy chế tài chính;

- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông quyết định đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được khi bán nợ theo quy định của pháp luật mà giá bán thấp hơn giá trị trên sổ kế toán.

- Trường hợp không xử lý kịp thời các khoản nợ không thu hồi được theo quy định, làm ảnh hưởng đến tài chính, kết quả kinh doanh của công ty, dẫn đến thất thoát vốn thì Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và Quy chế tài chính của Công ty.

b) Tổng Giám đốc công ty:

- Chỉ đạo triển khai thực hiện Quy chế quản lý nợ;

- Tham mưu, đề xuất HĐQT công ty ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nợ;

- Kịp thời báo cáo HĐQT công ty những thuận lợi, khó khăn trong điều hành, quản lý nợ; Với vai trò là người đứng đầu Hội đồng xử lý nợ đề xuất HĐQT công ty giải pháp xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được đối với những khoản nợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT;

- Xây dựng các quy định quản lý nội bộ cụ thể, các quy trình nghiệp vụ có liên quan để thực hiện triển khai Quy chế quản lý nợ;

- Chỉ đạo việc theo dõi, quản lý, thu hồi, thanh toán các khoản nợ đúng hạn, kịp thời;

- Xử lý các khoản nợ theo đúng thẩm quyền đã được quy định tại Quy chế tài chính hiện hành;

- Thành lập Hội đồng xử lý nợ. Hội đồng xử lý nợ bao gồm: Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các trưởng phòng, ban và các cá nhân có liên quan, trường hợp cần thiết có thể mời chuyên gia bên ngoài;

- Chỉ đạo, phân công các Phó Giám đốc và các phòng ban theo dõi, đôn đốc việc quản lý nợ phải thu và giám sát việc thực hiện của các Phó Giám đốc và các phòng ban;

- Chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật trong việc quản lý, điều hành nợ phải thu không đúng quy chế, chủ trương của HĐQT công ty và việc đề xuất xử lý nợ không đúng quy định của pháp luật.

#### c) Phòng tài chính kế toán công ty:

- Mở sổ theo dõi các khoản nợ phải thu từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại nợ phải thu như: nợ đến hạn thu, nợ quá hạn thu, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi; đôn đốc thu hồi nợ; định kỳ đối chiếu, gửi văn bản đối chiếu công nợ (quý, năm);

- Tổng hợp báo cáo tình hình nợ phải thu theo định kỳ. Bao gồm: tổng số nợ phải thu, trong đó nợ phải thu khó đòi, tình hình trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, tình hình xử lý nợ phải thu khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi trong kỳ báo cáo;

- Đôn đốc thu nợ, phản ánh kịp thời cho Tổng Giám đốc công ty việc thực hiện không đúng quy chế;

- Hạch toán đúng các khoản phải thu, hạch toán trích lập dự phòng phải thu khó đòi, hạch toán xử lý các khoản phải thu khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi đúng quy định của Nhà nước.

#### d) Các phòng ban nghiệp vụ có liên quan:

- Phối hợp với phòng tài chính kế toán trong công tác thu hồi nợ;
- Công nợ phát sinh tại bộ phận nào thì bộ phận đó trực tiếp theo dõi, đơn đốc thanh toán, thu hồi nợ.

- Thực hiện đúng các quy chế, quy định của công ty về Quản lý nợ, bán hàng trả chậm;

- Các lãnh đạo phòng, cá nhân trực tiếp đề xuất ký kết hợp đồng hay trong phạm vi phụ trách của phòng thì chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đơn đốc thực hiện hợp đồng để đảm bảo thu hồi công nợ đúng theo hợp đồng và chịu trách nhiệm nếu để xảy ra nợ phải thu khó đòi hoặc nợ không đòi được.

e) Đối với các đơn vị phụ thuộc:

- Người đứng đầu các đơn vị phụ thuộc công ty phải chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc công ty, trước pháp luật về thực hiện quản lý nợ phải thu;

- Các đơn vị phụ thuộc công ty có thể áp dụng quy chế quản lý nợ của công ty hoặc tự xây dựng Quy chế quản lý nợ phù hợp với điều kiện SXKD của đơn vị mình sau khi được phê chuẩn của Công ty.

- Các Đơn vị phụ thuộc khi phát sinh công nợ khó đòi, Hội đồng xử lý công nợ của Đơn vị phụ thuộc phải họp, xem xét, lập Biên bản, báo cáo và phương án xử lý trình Hội đồng xử lý công nợ Công ty xem xét. Chủ tịch Hội đồng xử lý công nợ Công ty có trách nhiệm trình Hội đồng quản trị xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được phù hợp với Quy chế quản lý tài chính của Công ty và quy định của pháp luật.

d) Các Công ty TNHH một thành viên do Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship nắm giữ 100% vốn điều lệ được quyền chủ động xem xét và quyết định xử lý tất cả các khoản nợ khó đòi phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng của đơn vị mình theo quy định tại Quy chế quản lý nợ của Công ty TNHH một thành viên đã được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship phê duyệt ban hành và báo cáo cổ phần vận tải biển Vinaship.

## **Điều 7. Nợ phải thu**

### **1. Phải thu của khách hàng**

a. Phải thu của khách hàng là khoản nợ phải thu của Công ty với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

b. Các khoản phải thu khách hàng được hạch toán, theo dõi và đơn đốc thu hồi theo đúng quy định hiện hành.

### **2. Phải thu tạm ứng cán bộ nhân viên**



a. Phải thu tạm ứng cán bộ nhân viên là khoản phải thu phát sinh theo yêu cầu công việc được giao.

b. Người nhận tạm ứng phải chịu trách nhiệm với Công ty về số đã nhận tạm ứng và chỉ được sử dụng tạm ứng theo đúng mục đích và nội dung công việc đã được phê duyệt. Nếu số tiền nhận tạm ứng không sử dụng hoặc sử dụng không hết phải nộp lại quỹ. Khi hoàn thành, kết thúc công việc được giao, người nhận tạm ứng phải lập bảng thanh toán tạm ứng để thanh toán toàn bộ, dứt điểm số tạm ứng đã nhận, số tạm ứng đã sử dụng và khoản chênh lệch giữa số đã nhận tạm ứng với số đã sử dụng (nếu có). Riêng lái xe công ty được tạm ứng giữ 5.000.000 đồng để sẵn sàng đi công tác bất cứ lúc nào.

c. Phải thanh toán dứt điểm khoản tạm ứng kỳ trước mới được nhận tạm ứng kỳ sau. Trừ trường hợp đặc biệt tạm ứng phục vụ sản xuất có thời gian thực hiện dài ngày hoặc trường hợp đặc biệt khác được Tổng giám đốc Công ty, Trưởng đơn vị (theo ủy quyền) đồng ý.

d. Trước khi nghỉ việc, chấm dứt hợp đồng lao động viên chức quản lý, người lao động phải thực hiện thanh toán các khoản công nợ với Công ty qua xác nhận thanh toán nợ. Sau đó, viên chức quản lý, người lao động mới nhận quyết định nghỉ việc, chấm dứt hợp đồng lao động, các hồ sơ, giấy tờ khác có liên quan và nhận chế độ được hưởng khi nghỉ việc, chấm dứt hợp đồng lao động.

e. Trường hợp người lao động tạm ứng tự ý nghỉ việc nhưng chưa hoàn ứng phải xử lý các bước sau:

- Liên hệ trực tiếp với người lao động để yêu cầu thanh toán khoản tạm ứng chưa hoàn ứng.

- Hội đồng xử lý công nợ, có Biên bản họp trong đó xác nhận rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan đến khoản tạm ứng.

- Trường hợp người lao động không hoàn trả, Công ty thông báo về địa phương, nơi cư trú, nơi làm việc mới (nếu có) ba (03) lần của người lao động tạm ứng yêu cầu hỗ trợ để thu hồi nợ.

- Trường hợp không thu hồi được, Công ty có thể khởi kiện cá nhân ra Tòa án/gửi hồ sơ ra cơ quan công an để thu hồi.

### **3. Công nợ nội bộ**

Công ty và các đơn vị phụ thuộc phải thường xuyên đối chiếu, thanh toán dứt điểm các khoản công nợ nội bộ trong niên độ kế toán. Khi đối chiếu, nếu có chênh lệch, phải tìm ra nguyên nhân và điều chỉnh kịp thời.

### **4. Phải thu khác**

a. Khoản phải thu khác là khoản phải thu phát sinh do hoạt động kinh doanh ngoài phải thu của khách hàng như: thuế GTGT được khấu trừ, tiền lãi, cổ tức, lợi

nhuận phải thu từ hoạt động tài chính, v.v.; Các khoản cho bên ngoài tạm ứng do yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty có tính chất tạm thời không lấy lãi; Các khoản phải thu về bồi thường vật chất do cá nhân, tập thể (trong và ngoài đơn vị) gây ra như mất mát, hư hỏng vật tư, hàng hóa, tiền vốn v.v... đã được xử lý bồi thường; và các khoản phải thu khác.

b. Các khoản phải thu khác được hạch toán, theo dõi và đôn đốc thu hồi theo đúng quy định hiện hành.

### **Điều 8. Nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

1. Phải có chứng từ gốc chứng minh số tiền đối tượng nợ chưa trả, bao gồm:

- Một trong số các chứng từ gốc sau: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, cam kết nợ;

- Bản thanh lý hợp đồng (nếu có);

- Đối chiếu công nợ; trường hợp không có đối chiếu công nợ thì phải có văn bản đề nghị đối chiếu xác nhận công nợ hoặc văn bản đòi nợ do doanh nghiệp đã gửi (có dấu bưu điện hoặc xác nhận của đơn vị chuyển phát);

- Bảng kê công nợ;

- Các chứng từ khác có liên quan (nếu có).

2. Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

a) Nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên (tính theo thời hạn trả nợ gốc ban đầu theo hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác, không tính đến thời gian gia hạn trả nợ giữa các bên), Công ty đã gửi đối chiếu xác nhận nợ hoặc đôn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được nợ.

b) Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng doanh nghiệp thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án thì doanh nghiệp tự dự kiến mức tổn thất không thu hồi được (tối đa bằng giá trị khoản nợ đang theo dõi trên sổ kế toán) để trích lập dự phòng.

### **Điều 9. Phương pháp lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Công ty phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh là các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

1. Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:
  - a. 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - b. 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - c. 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - d. 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở nên.

2. Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án thì Công ty tự dự kiến mức tổn thất không thu hồi được (tối đa bằng giá trị khoản nợ đang theo dõi trên sổ kế toán) để trích lập dự phòng.

3. Công ty không thực hiện trích lập dự phòng khoản nợ phải thu quá thời hạn thanh toán phát sinh từ khoản lợi nhuận, cổ tức được chia do góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác.

4. Khi trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của một đối tượng nợ có phát sinh cả nợ phải thu và nợ phải trả, căn cứ biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên để Công ty trích lập dự phòng trên cơ sở số còn phải thu sau khi đã bù trừ khoản nợ phải trả của đối tượng này. Mức trích lập dự phòng của từng khoản nợ quá hạn được tính theo tỷ lệ (%) của khoản nợ quá hạn phải trích lập theo thời hạn quy định nhân (x) với tổng nợ còn phải thu sau khi đã bù trừ khoản nợ phải trả.

5. Cuối năm, Tổng giám đốc Công ty lập Hội đồng để thẩm định mức trích lập các khoản dự phòng và đánh giá tổn thất của các khoản nợ phải thu khó đòi. Thành phần Hội đồng gồm: Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc), Kế toán trưởng, các Trưởng ban/phòng có liên quan và một số chuyên gia (nếu cần).

#### **Điều 10. Xử lý khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi**

1. Khi các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi phải trích lập dự phòng theo các quy định của điều 9 nêu trên; nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi thì không phải trích lập.

2. Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi thì phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phân chênh lệch.

3. Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì phải hoàn nhập chênh lệch vào giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Xử lý các khoản nợ phải thu tồn đọng còn có khả năng thu hồi:

- Đối với các khoản nợ phải thu tồn đọng còn có khả năng thu hồi, Công ty phải tích cực đôn đốc và áp dụng mọi biện pháp để thu hồi.

- Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ sáu (06) tháng trở lên còn có khả năng thu hồi, Công ty phải lập dự phòng và hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp trong năm.

5. Xử lý tài chính các khoản nợ không có khả năng thu hồi:

a. Nợ phải thu không có khả năng thu hồi là các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán hoặc chưa đến thời hạn thanh toán thuộc một trong những trường hợp sau:

- Đối tượng nợ là doanh nghiệp, tổ chức đã hoàn thành việc phá sản theo quy định của pháp luật.

- Đối tượng nợ là doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động hoặc giải thể.

- Đối tượng nợ đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho xóa nợ theo quy định của pháp luật.

- Đối tượng nợ là cá nhân đã chết hoặc đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án.

- Khoản chênh lệch còn lại của các khoản nợ không thu hồi được sau khi đã xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể phải bồi thường vật chất.

- Khoản nợ phải thu đã được trích lập 100% dự phòng đối với khoản nợ phải thu từ 03 năm trở lên mà sau 03 năm tính từ thời điểm Công ty trích lập đủ 100% dự phòng mà vẫn chưa thu hồi được nợ.

b. Nợ phải thu không có khả năng thu hồi quy định tại điểm a khoản 5 Điều này khi có đủ các tài liệu chứng minh, cụ thể như sau:

- Sổ kế toán, chứng từ, tài liệu chứng minh khoản nợ chưa thu hồi được đến thời điểm xử lý nợ Công ty đang hạch toán nợ phải thu trên sổ kế toán của Công ty như: hợp đồng kinh tế; khế ước vay nợ; cam kết nợ; bản thanh lý hợp đồng (nếu có); đối chiếu công nợ (nếu có); văn bản đề nghị đối chiếu công nợ hoặc văn bản đòi nợ do Công ty đã gửi (có dấu bưu điện hoặc xác nhận của đơn vị chuyển phát); bảng kê công nợ và các chứng từ khác có liên quan.

- Trường hợp đối với tổ chức kinh tế:

+ Đối tượng nợ đã phá sản: có quyết định của Tòa án tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo Luật phá sản.

+ Đối tượng nợ đã ngừng hoạt động, giải thể: có văn bản xác nhận hoặc thông báo bằng văn bản/thông báo trên trang điện tử chính thức của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan thuế quản lý trực tiếp về việc doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động hoặc giải thể; hoặc khoản

nợ đã được doanh nghiệp, tổ chức khởi kiện ra tòa án theo quy định, có bản án, quyết định của tòa và có ý kiến xác nhận của cơ quan thi hành án về việc đối tượng nợ không có tài sản để thi hành án.

+ Đối với khoản nợ phải thu nhưng đối tượng nợ đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho xóa nợ theo quy định của pháp luật; khoản chênh lệch thiệt hại được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho bán nợ.

- Trường hợp đối với cá nhân:

+ Giấy chứng tử (bản sao chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc) hoặc xác nhận của chính quyền địa phương đối với đối tượng nợ đã chết.

+ Lệnh truy nã; hoặc xác nhận của cơ quan pháp luật đối với đối tượng nợ đã bỏ trốn; hoặc xác nhận của cơ quan pháp luật về việc đối tượng nợ không còn ở nơi cư trú đối với khoản nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ viễn thông; hoặc đang bị truy tố, đang thi hành án.

- Các hồ sơ, tài liệu chứng minh khoản nợ phải thu đã được trích lập 100% dự phòng mà sau 03 năm tính từ thời điểm Công ty trích lập đủ 100% dự phòng mà vẫn chưa thu hồi được nợ.

c. Xử lý tài chính:

c1. Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi được xử lý theo thứ tự sau:

- Khi để xảy ra nợ phải thu không có khả năng thu hồi, Hội đồng xử lý công nợ Công ty phải tổ chức họp để xác định rõ nguyên nhân khách quan hay chủ quan. Đối với nguyên nhân chủ quan, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm tập thể, cá nhân và yêu cầu tập thể, cá nhân bồi thường theo quy định của pháp luật và theo các quy chế của công ty. Đối với nguyên nhân khách quan, Hội đồng xử lý công nợ Công ty, Ban điều hành và các phòng ban có liên quan phải xác định rõ nguyên nhân và có biên bản xác nhận; nếu xác định các khoản nợ này có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thì Hội đồng xử lý công nợ Công ty trình Hội đồng quản trị ra quyết định:

+ Được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi; hoặc

+ Hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập tùy theo trường hợp cụ thể.

- Trong trường hợp thực hiện bán nợ theo quy định của pháp luật, sau khi xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và yêu cầu đương sự bồi thường theo quy định của pháp luật, chênh lệch giảm giữa giá trị khoản nợ với giá bán được bù đắp bằng nguồn dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi, nếu thiếu hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty.

c2. Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã được xử lý (trừ trường hợp bán nợ) nhưng khách hàng còn tồn tại thì công ty có trách nhiệm tiếp tục theo

đôi, ghi sổ sách đầy đủ và phải ghi trong thuyết minh báo cáo tài chính trong thời hạn tối thiểu 10 năm kể từ ngày thực hiện xử lý nợ. Công ty phải có các biện pháp để thu hồi nợ tiếp. Nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi sau khi trừ các chi phí liên quan đến việc thu hồi nợ được hạch toán vào thu nhập của công ty.

d. Khi xử lý khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi phải lập hồ sơ sau:

- Biên bản của Hội đồng xử lý nợ: trong đó ghi rõ giá trị của từng khoản nợ phải thu, giá trị nợ đã thu hồi được, giá trị thiệt hại thực tế (sau khi trừ đi các khoản thu hồi được), phân tích nguyên nhân, các biện pháp đã thực hiện để thu hồi nợ, trách nhiệm của tập thể cá nhân và yêu cầu tập thể, cá nhân bồi thường theo quy định (nếu có).

- Bảng kê chi tiết các khoản nợ phải thu đã xóa để làm căn cứ hạch toán. Sổ kế toán, chứng từ, tài liệu chứng minh khoản nợ chưa thu hồi được, đến thời điểm xử lý nợ Công ty đang hạch toán nợ phải thu trên sổ kế toán.

- Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc thực hiện trích lập dự phòng liên quan đến các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi.

### **Chương III**

## **NỢ PHẢI TRẢ**

#### **Điều 11. Nợ phải trả**

1. Các khoản vay nợ: Khi cần thiết phải vay nợ để phục vụ hoạt động kinh doanh, Tổng Giám đốc công ty đề xuất với Hội đồng quản trị công ty quyết định việc vay tiền cho từng khoản vay cụ thể. Việc vay tiền phải có phương án hay kế hoạch cụ thể và việc vay tiền phải đảm bảo hiệu quả sử dụng tiền vay tốt nhất, kỳ hạn vay, lãi suất vay đảm bảo tốt nhất.

2. Phải trả người bán: là khoản phải trả phát sinh do việc Công ty ký kết các hợp đồng mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ, xây dựng cơ bản v.v... chưa trả cho người bán.

3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: Thực hiện nộp đúng quy định của Luật quản lý thuế và các Luật thuế hiện hành.

4. Các khoản phải nộp về bảo hiểm, kinh phí công đoàn: Thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo hiểm, pháp luật về công đoàn.

5. Khoản phải trả về tiền lương, tiền công: Thực hiện đúng Quy chế lương của Công ty và các hợp đồng lao động, thỏa thuận được ký kết.

6. Khoản phải trả về khen thưởng, phúc lợi: Thực hiện đúng quy định của Quy chế thi đua khen thưởng, phù hợp với mục đích sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi.

## **Điều 12. Phân cấp trách nhiệm trong việc quản lý nợ phải trả**

### **1. Trách nhiệm của HĐQT công ty trong việc quản lý nợ phải trả:**

- Ban hành, sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý nợ đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Chỉ đạo Tổng Giám đốc công ty quản lý, điều hành Công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đúng hạn; Kịp thời chỉ đạo Tổng Giám đốc công ty khắc phục những khó khăn trong thanh toán nợ, phải có trách nhiệm bồi thường nếu chậm chỉ đạo dẫn đến phải bồi thường thiệt hại cho khách hàng.

### **2. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc công ty trong việc quản lý nợ phải trả:**

- Quản lý, điều hành nợ phải trả đúng quy chế, chủ trương của HĐQT công ty; Kịp thời báo cáo HĐQT công ty những tồn tại, vướng mắc trong quản lý, điều hành nợ phải trả đối với những vấn đề cần phải báo cáo, nhận chỉ đạo từ HĐQT được quy định trong Quy chế tài chính, Điều lệ Công ty;

- Chịu trách nhiệm trước HĐQT công ty, trước pháp luật trong việc quản lý, điều hành nợ phải trả không đúng quy chế, không đúng chủ trương của HĐQT công ty và có trách nhiệm bồi thường khi phát sinh thiệt hại do việc quản lý, điều hành không đúng này;

- Chỉ đạo, phân công các Phó Tổng Giám đốc, phòng tài chính kế toán và các phòng ban, cá nhân theo dõi, thanh toán các khoản nợ phải trả.

### **3. Trách nhiệm của Phòng Tài chính kế toán trong việc quản lý nợ phải trả:**

- Chịu trách nhiệm mở sổ theo dõi và quản lý các khoản nợ từng đối tượng nợ phải trả; thường xuyên phân loại các khoản nợ phải trả theo thời gian (nợ chưa đến hạn thanh toán, nợ đến hạn thanh toán, nợ đã quá hạn thanh toán), phân loại nợ phải trả theo tính chất khoản nợ ( nợ dài hạn, nợ ngắn hạn ) đúng chuẩn mực kế toán, chế độ tài chính hiện hành;

- Định kỳ đối chiếu công nợ: đối chiếu theo quý, năm;

- Có ý kiến đề xuất với Tổng Giám đốc về sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý nợ; Kịp thời cập nhật những sửa đổi bổ sung của pháp luật về công tác quản lý và xử lý nợ để báo cáo Tổng Giám đốc công ty;

- Thực hiện đúng Quy chế quản lý nợ và quy định của pháp luật về quản lý nợ; Kịp thời báo cáo Tổng Giám đốc công ty những công việc không thực hiện đúng Quy chế này;

- Tuân thủ đúng quy chế, đúng chỉ đạo của Ban lãnh đạo công ty trong thực hiện nghiệp vụ quản lý nợ;

- Chịu trách nhiệm thực hiện các báo cáo phục vụ cho yêu cầu quản lý nợ phải trả theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu quản lý, điều hành của Công ty;

- Xây dựng kế hoạch trả nợ, cân đối dòng tiền đảm bảo nguồn trả nợ. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của Công ty, không để các khoản nợ phải trả quá hạn phát sinh làm ảnh hưởng đến SXKD.

4. Trách nhiệm của các phòng ban, đơn vị và cá nhân có liên quan đến trong việc quản lý nợ phải trả:

- Thực hiện đúng các quy chế, quy định của công ty về quản lý nợ. Nếu không tuân thủ đúng mà để xảy ra thiệt hại thì phải có trách nhiệm bồi thường;

- Phối hợp với phòng tài chính kế toán để thực hiện đơn đốc thu hồi, thanh toán nợ.

### **Điều 13. Xử lý các khoản nợ phải trả tồn đọng**

1. Xử lý các khoản nợ thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

Việc xử lý các khoản nợ thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước được thực hiện theo các quy định của pháp luật về thuế, phí và lệ phí.

2. Xử lý các khoản nợ vay tại các tổ chức tín dụng

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn làm ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ quá hạn vay của các tổ chức tín dụng thì công ty phải tái cơ cấu lại các khoản nợ vay, thực hiện xử lý nợ theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về xử lý nợ của tổ chức tín dụng.

3. Xử lý các khoản nợ Bảo hiểm xã hội, các khoản nợ phải trả của các tổ chức, cá nhân

Việc xử lý các khoản nợ BHXH theo quy định của Luật BHXH và các quy định có liên quan. Việc xử lý các khoản nợ phải trả khác theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng, các cam kết liên quan đến việc trả nợ và quy định của pháp luật.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 14. Điều khoản thi hành**

1. Bản Quy chế này bao gồm 04 Chương, 14 Điều.

2. HĐQT, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các phòng ban, đơn vị phụ thuộc, Người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp có vốn góp có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

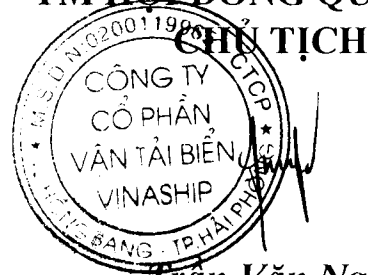
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, phải kịp thời báo cáo Tổng Giám đốc, HĐQT công ty để có chủ trương, ý kiến chỉ đạo sửa đổi, thực hiện phù hợp.



4. Trong trường hợp các quy định của pháp luật có sự sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, làm cho Quy chế này có điều khoản không còn phù hợp thì điều khoản đó không được thi hành, mà áp dụng theo quy định mới của pháp luật.

5. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. Kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thì quy chế đã ban hành trước đây sẽ không còn hiệu lực thi hành./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



*Trần Văn Nghi*